

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/HSST

Ngày 07-02-2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tòng.

Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Bá Đặng;

Bà Nguyễn Thị Vân Khánh.

-Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệu Thúy- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo– Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2018, tại Nhà Thiếu nhi huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 10/2018/TLST-HS ngày 23 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

Lê Đức T1, sinh ngày 06 tháng 10 năm 1976; nơi sinh: Xã T2, huyện T3, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Thôn A1, xã T2, huyện T3, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; họ tên bố: Lê Quý H1, sinh năm 1937, họ tên mẹ: Phạm Thị N1 (đã chết), họ tên vợ: Phạm Thị H2, sinh năm 1977, có 02 con (con lớn sinh năm 1994, con nhỏ sinh năm 1998); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tháng 11/1996, bị cáo bị Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh Lai Châu xử lý kỷ luật: Tước danh hiệu quân nhân trả về địa phương. Ngày 10/4/2012, bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, thời gian 12 tháng theo quyết định số 2443/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân huyện T3. Ngày 23/12/2013, bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục, thời gian 24 tháng theo quyết định số 2919/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình; ngày 24/11/2015 chấp hành xong.

Danh chỉ bản số 1168 do Công an huyện Thái Thụy lập ngày 23/12/2017. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/12/2017; bị tạm giam từ ngày 25/12/2017; hiện bị tạm giam tại Trại Tạm giam thuộc Công an tỉnh Thái Bình, trích xuất, có mặt.

-Người làm chứng:

1). Ông Phạm Ngọc T4, sinh năm 1958; nơi cư trú: Thôn A1, xã T2, huyện T3, tỉnh Thái Bình; Vắng mặt.

2). Ông Lê Minh N2, sinh năm 1958; nơi cư trú: Thôn A1, xã T2, huyện T3, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo nghiện ma túy nên thường mua ma túy về sử dụng. Hồi 09 giờ 30 phút ngày 22/12/2017, bị cáo đến khu vực chợ Đ. H thuộc xã T5 mua 01 gói ma túy, loại hêrôin giá 200.000,đồng. Bị cáo cầm trên tay đi về nhà; khi đến đoạn đường thuộc thôn A1, xã T2 thì bị tổ công tác Công an huyện T3 và Ban Công an xã T2 phát hiện. Tiến hành kiểm tra, tổ công tác đã thu giữ từ trên tay bị cáo 01 gói có vỏ ngoài là giấy màu trắng, bên trong chứa chất bột màu trắng dạng cục. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang; tiến hành niêm phong vật chứng. Các ông Phạm Ngọc T4, ông Lê Minh N2 là những người đã trực tiếp chứng kiến công an thu giữ 01 gói ma túy từ bị cáo. Theo kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh Thái Bình thì mẫu vật thu giữ của bị cáo gửi là ma túy, loại Hêrôin; khối lượng là 0,3301gam.

Tại phiên tòa, bị cáo trình bày: Bị cáo nghiện ma túy từ năm 2010 nên thường mua ma túy là hêrôin về sử dụng. Hồi 09 giờ 30 phút ngày 22/12/2017, bị cáo tại khu vực chợ Đ. H, bị cáo mua 01 gói ma túy là hêrôin với giá 200.000,đồng. Trên đường đi về nhà; khi đến đoạn đường thuộc địa phận thôn A1, xã T2 thì bị Công an phát hiện; qua khám xét đã thu giữ 01 gói ma túy mà bị cáo vừa mua. Bị cáo mua ma túy về để sử dụng, không có mục đích khác. Bị cáo nhận tội, xin giảm nhẹ hình phạt.

Bản cáo trạng số 09/CT-VKSTT ngày 22/01/2018, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy truy tố bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự.

Luận tội của Kiểm sát viên: Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo; đề nghị căn cứ: Khoản 1 Điều 194; Điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 45; Điều 33; Điều 41 Bộ luật Hình sự 1999. Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 06 năm 2017 của Quốc hội.

Kiểm sát viên đề nghị tuyên bố bị cáo phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; đề nghị xử phạt bị cáo từ 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng đến 02 (Hai) năm tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Đề nghị tịch thu tiêu hủy số ma túy. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận tội, xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an huyện Thái Thụy,

Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2]. Về hành vi của bị cáo: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đều trình bày: Hồi 09 giờ 30 phút ngày 22/12/2017, trên đường mua ma túy trở về nhà thì bị cáo bị thu giữ 01 gói ma túy, loại hêrôin. Đây là ma túy do bị cáo vừa mua về để sử dụng.

Lời nhận tội của bị cáo phù hợp và được chứng minh bằng: Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Công an huyện T3 lập hồi 10 giờ 15 ngày 22/12/2017; Kết luận giám định; Báo cáo của Công an xã T2; lời khai của những người làm chứng là ông Phạm Ngọc T4, ông Lê Minh N2 và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, bị cáo Lê Đức T1 là người đã thực hiện hành vi: Cất giữ bất hợp pháp 01 gói ma túy là hêrôin có trọng lượng 0,3301gam. Chất hêrôin là chất ma túy được quy định trong Nghị định số 82/2013/NĐ-CP Ban hành các danh mục chất ma túy và tiền chất ngày 19/07/2013 của Chính phủ. Đây là số ma túy do bị cáo mua về để sử dụng mà không có mục đích khác nên hành vi của bị cáo đã cấu thành tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy quyết định truy tố bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự là có cơ sở, đúng pháp luật.

Bị cáo Lê Đức T1 là người nghiện ma túy và có nhân thân xấu; bị cáo biết tác hại của ma túy đối với sức khỏe con người đồng thời còn gây nhiều tệ nạn khác cho xã hội; biết việc tàng trữ ma túy là hành vi vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cất giữ theo người để sử dụng. Hành vi của bị cáo đã vi phạm chế độ quản lý về chất ma túy, hành vi này nguy hiểm cho xã hội, vi phạm pháp luật hình sự nên phải xử lý. Cần áp dụng Điều 33 Bộ luật Hình sự xử phạt tù đối với bị cáo để giáo dục bị cáo và góp phần vào công tác đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung. Theo các tài liệu, chứng cứ trong quá trình điều tra và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo là lao động tự do, thu nhập thấp chỉ đủ cuộc sống tối thiểu, cũng không có tài sản. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

-Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng theo quy định tại Khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự.

-Bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

-Tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự 2015 quy định mức hình phạt đối với tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” là “từ 01 năm đến 05 năm” tù nhẹ hơn mức hình phạt cùng tội này theo Bộ luật Hình sự năm 1999 là “từ hai năm đến

bảy năm” tù; hành vi của bị cáo thực hiện trước 0 giờ ngày 01/01/2018 nhưng xét xử sau thời điểm đó nên bị cáo được hưởng quy định có lợi cho người phạm tội quy định tại Điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 06 năm 2017 của Quốc hội.

-Trong thời gian tham gia Quân đội nhân dân Việt Nam, bị cáo bị xử lý kỷ luật với hình thức tước danh hiệu quân nhân nên không được hưởng tình tiết giảm nhẹ này.

[4]. Về vật chứng, xử lý vật chứng: 0,3301gam ma túy là hêrôin; sau khi lấy mẫu giám định còn 0,3189gam; hiện đang quản lý tại Chi cục Thi hành án huyện Thái Thụy theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/01/2018. Đây là vật cấm tàng trữ nên cần áp dụng điểm c Khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999; Khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy.

[5]. Về các vấn đề khác của vụ án: Bị cáo trình bày: Trước đây, bị cáo mua ma túy tại khu vực đường tàu (Hải Phòng) nhưng không biết tên, địa chỉ người bán. Ngày 22/12/2017, tại khu vực chợ Đ. H, bị cáo mua ma túy của người đàn ông khoảng 40 tuổi nhưng bị cáo không biết tên, địa chỉ người bán. Vì vậy, Cơ quan điều tra không có cơ sở xác định những lần mua ma túy trước đây của bị cáo; cũng không có cơ sở xác định người bán ma túy cho bị cáo ngày 22/12/2017.

[6]. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000,đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1.Tuyên bố: Bị cáo Lê Đức T1 phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Xử phạt: Áp dụng Khoản 1 Điều 194; Điểm p Khoản 1 Điều 46; Điều 45; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Khoản 3 Điều 7; Khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 06 năm 2017 về việc thi hành bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 và về hiệu lực thi hành của Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13, Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13, Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13 của Quốc hội.

Xử phạt bị cáo 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 22/12/2017.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999. Khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy 0,3189gam ma túy loại heroine; hiện đang quản lý tại Chi cục Thi hành án huyện Thái Thụy theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/01/2018.

4. Về án phí: Áp dụng: Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Khoản 1 Điều 21; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo phải chịu 200.000, đồng án hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND huyện Thái Thụy;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan điều tra-Công an huyện Thái Thụy;
- Cơ quan thi hành án hình sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Tòng